

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2022

“V/v ly hôn giữa

Chị S và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh An Giang.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H do mai mối được hai bên gia đình đồng ý, không tổ chức lễ cưới nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 20 tháng 3 năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà riêng của chị tại xã P, huyện C. Khi bắt

đầu chung sống vợ chồng mâu thuẫn chuyện tiền công cấy lúa với mẹ chồng từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Không nhớ thời gian nào thì cha mẹ chị cho tiền chị mua nền nhà ở xã X, huyện C. Từ đó vợ chồng về xã X chung sống, thời gian này anh H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, về nhà thì có hành vi đập đồ đạc, nhiều lần chị nói cho gia đình chồng biết nhưng gia đình chồng không khuyên can, hàn gắn.

Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên và kéo dài đến năm 2017, vợ chồng tiếp tục cự cãi về việc trong khi anh H uống rượu với bạn tại nhà mẹ chồng, con anh chị bệnh nên chị S đến nói anh đi mua thuốc cho con nhưng anh H không đi mua. Một lúc sau, anh H cùng mẹ chồng và em chồng, cháu chồng cùng đến nhà chị hành hung chị. Năm 2018, vợ chồng tiếp tục cự cãi về việc khi anh H đi thăm mẹ chồng, sẵn tiện chị nhờ anh đưa con gửi nhà người quen để chị hái rau, anh H và gia đình anh không đồng ý nên đánh chị. Nay chị S không còn tình cảm với anh H, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Chị S và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 05/02/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 26/8/2013, hiện chị S đang nuôi dưỡng, chị S yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh được anh Thân Tấn D là trưởng ấp H, xã X cho biết: Anh Nguyễn Thanh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã X, huyện C, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân của chị S và anh H, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do gia đình anh H thường xuyên gây khó khăn, ức hiếp chị S nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị S và anh H không còn chung sống với nhau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa lần thứ 2, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị S và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị S và mẹ chồng cự cãi về việc tiền bạc, từ đó anh H và chị cũng thường xuyên cự cãi. Mâu thuẫn của anh chị kéo dài đến năm 2018, nhiều lần vợ chồng cự cãi, anh H và gia đình anh đánh chị S. Ngoài ra, anh H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không lo cho vợ con.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau... Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...”. Thế nhưng vợ chồng chị S và anh H đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh H có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Thanh H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị S yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 05/02/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 26/8/2013. Xét thấy, cháu H và cháu T đang sống với chị S, được chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao H và cháu T cho chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ các căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại tổ 06, ấp H, xã X, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Chị S và anh H tiến tới hôn nhân năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi vợ chồng bắt đầu chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu không lo cho vợ con và có hành vi bạo lực gia đình, anh chị thường xuyên cự cãi và vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung sống với nhau. Anh H có hành vi bạo lực gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nhiều lần Tòa án triệu tập anh H đến hòa giải nhưng anh không tham dự, cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H

[2.2] Về con chung: Chị S và anh H có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 05/02/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 26/8/2013. Xét thấy từ khi ly thân đến nay các cháu sống chung chị S, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Ngoài ra, các cháu có nguyện vọng được sống với chị S. Để đảm bảo môi trường phát triển của các con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Hương và cháu Trí cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Chị S tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 05/02/2009 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 26/8/2013, hiện nay cháu H và cháu T đang sống với chị S. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005402 ngày 07/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ